

Số: /ĐA-SNN

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2024

ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành
nông nghiệp và phát triển nông thôn từ hạng IV lên hạng III
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên**

Phần 1

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Thực hiện Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 02/2023/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Hiện nay, số lượng viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III tương đối nhiều, để tạo điều kiện cho viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng III theo quy định; đảm bảo kịp thời chế độ, chính sách; động viên, khuyến khích viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập; nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
4. Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
5. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
6. Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật;
7. Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y;
8. Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng;
9. Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
10. Thông tư số 02/2023/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn
11. Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
12. Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

13. Quyết định số 1098/QĐ-BNV ngày 31/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

14. Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 15/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện các quy định về thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

15. Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên;

16. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

17. Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về ủy quyền một số nội dung thuộc lĩnh vực công chức, viên chức và tổ chức bộ máy;

18. Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

19. Các Quyết định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của: Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh (số 90/QĐ-SNN ngày 25/3/2024); Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa (số 91/QĐ-SNN ngày 25/3/2024); Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân (số 92/QĐ-SNN ngày 25/3/2024); Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa (số 93/QĐ-SNN ngày 26/3/2024); Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu (số 101/QĐ-SNN ngày 26/3/2024); Trung tâm Khuyến nông (số 95/QĐ-SNN ngày 26/3/2024);

20. Căn cứ Công văn số 710/SNV-TCCVC ngày 25/4/2024 của Sở Nội vụ về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Phần 2

MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

I. MỤC ĐÍCH

- Thực hiện đúng quy định về vị trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của viên chức; đảm bảo cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị.

- Động viên, khuyến khích viên chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện cho các đơn vị trong việc bố trí viên chức đúng vị trí công việc, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp do Nhà nước quy định.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, thực hiện tốt công tác quản lý viên chức theo quy định.

- Đảm bảo được các yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương và hướng dẫn của tỉnh về quản lý viên chức, vị trí việc làm, về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đúng quy chế, đảm bảo khách quan, công khai, dân chủ và đúng quy định.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Đề án này quy định việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn từ hạng IV lên hạng III theo quy định Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản hướng dẫn về thăng hạng viên chức trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV có đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; có nguyện vọng đăng ký và được cơ quan,

đơn vị trực thuộc Sở đề nghị dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III.

Phần 3

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ; NHU CẦU ĐĂNG KÝ THĂNG HẠNG VÀ DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

I. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ

Tổng số lượng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có: 166 viên chức, trong đó:

- Chức danh nghề nghiệp hạng I: 0 viên chức.
- Chức danh nghề nghiệp hạng II: 02 viên chức.
- Chức danh nghề nghiệp hạng III: 115 viên chức.
- Chức danh nghề nghiệp hạng IV: 49 viên chức.
- Chức danh nghề nghiệp hạng V: 0 viên chức.

II. NHU CẦU ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Nhu cầu đăng ký chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III: 30 viên chức.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

III. DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

Qua rà soát, số lượng viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại thời điểm xây dựng Đề án là 30 người, cụ thể như sau:

- Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03) lên chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02): 01 viên chức.
- Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV (mã số V.03.04.12) lên chức danh nghề nghiệp Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số V.03.04.11): 09 viên chức.
- Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV (V.03.09.27) lên chức danh nghề nghiệp Khuyến nông viên hạng III (V.03.09.26): 02 viên chức.
- Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV (V.03.10.30) lên chức danh nghề nghiệp Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29): 18 viên chức.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

Phần 4**ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐĂNG KÝ****I. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN****1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung**

Căn cứ quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

Đối với quy định "Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm" được xác định như sau: Việc xác định kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu của từng vị trí việc làm trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III năm 2024, được minh chứng thông qua các văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận của viên chức.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

2.1. Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03) lên chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02)

Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV (mã số V.03.01.03) có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác của chức danh nghề nghiệp bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02), có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư liên tịch số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ và khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành bảo vệ thực vật

- Tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác;
- Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế hoạt động nghề nghiệp;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án kỹ thuật về công tác bảo vệ thực vật trong đơn vị và địa bàn được giao;
- Tổ chức và thực hiện toàn bộ quy trình hoặc một phần quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại trong địa bàn;
- Điều tra, thu thập, phân tích số liệu, thông tin để tổng hợp, đánh giá tình hình bảo vệ thực vật trong địa bàn và hoạt động nghiệp vụ kỹ thuật của đơn vị, trên cơ sở đó đề xuất: các biện pháp giải quyết những yêu cầu đột xuất phục vụ sản xuất; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy phạm, quy định của pháp luật bảo vệ thực vật cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa bàn được giao;
- Xây dựng hoặc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài khảo sát thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật phòng trừ sinh vật gây hại, các quy trình phòng trừ tổng hợp các sinh vật gây hại cho cây trồng;
- Tập huấn cho nông dân, bồi dưỡng cho công nhân và viên chức hạng thấp hơn về kỹ thuật bảo vệ thực vật, xây dựng mạng lưới cộng tác viên bảo vệ thực vật trong địa bàn;

- Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông về bảo vệ thực vật và các chương trình dự án về bảo vệ thực vật, hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về bảo vệ thực vật vào sản xuất trên địa bàn.

c) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành bảo vệ thực vật.

d) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành có liên quan đến bảo vệ thực vật;

- Nắm được các quy định của pháp luật về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật và thuốc bảo vệ thực vật;

- Nắm được các quy trình, quy phạm phòng trừ sinh vật gây hại trong địa bàn được giao và những nguyên tắc của quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật gây hại, phương pháp khảo sát, thực nghiệm về bảo vệ thực vật;

- Nắm được tình hình sản xuất, bảo vệ thực vật trong địa bàn được giao và tình hình chính trị, kinh tế - xã hội liên quan;

- Nắm được phương pháp khảo sát, thực nghiệm về bảo vệ thực vật; nắm được cách thu thập và những yêu cầu về số liệu, thông tin để xử lý bằng máy vi tính phục vụ cho việc chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

đ) Việc thăng hạng chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên chức danh bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III phải đáp ứng đủ các quy định trên và có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV, cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

2.2. Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV (mã số V.03.04.12) lên chức danh nghề nghiệp chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số V.03.04.11)

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV (mã số V.03.04.12) có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác của chức danh nghề nghiệp chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số V.03.04.11) có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh chẩn đoán bệnh động vật hạng III (mã số V.03.04.11) quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ và khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 2 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chẩn đoán bệnh động vật

- Có trách nhiệm, trung thực, tâm huyết với nghề, chủ động nghiên cứu, khiếm tốn học hỏi, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác;
- Có tinh thần đoàn kết nội bộ, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế hoạt động nghề nghiệp;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Có trách nhiệm quản lý tài sản, vật tư, máy móc và các trang thiết bị, tài liệu phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh động vật.

b) Nhiệm vụ

- Trực tiếp thực hiện việc chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh động vật theo sự phân cấp và phân công;
- Thực hiện pha chế và bảo quản một số môi trường dung dịch phục vụ công tác chẩn đoán, xét nghiệm đối với từng loại bệnh hoặc chẩn đoán bệnh qua lâm sàng và đề xuất biện pháp điều trị;
- Thực hiện tiêm truyền động vật thí nghiệm, nuôi cấy bệnh phẩm hoặc trực tiếp điều trị và theo dõi kết quả tiêm truyền động vật thí nghiệm theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật;
- Thực hiện mổ khám, theo dõi kết quả xét nghiệm hoặc điều trị; ghi chép đầy đủ kết quả mổ khám, quá trình diễn biến sau xét nghiệm và điều trị, kịp thời báo cáo lên cấp có thẩm quyền để xử lý;
- Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị bệnh động vật;
- Hướng dẫn kiểm tra các viên chức chẩn đoán bệnh động vật hạng dưới để làm công tác chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị bệnh động vật.

c) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chẩn đoán bệnh động vật.

d) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm được đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và của ngành về công tác thú y;

- Nắm được pháp luật về thú y;

- Biết đánh giá được kết quả xét nghiệm điều trị, tự giải quyết được một quá trình xét nghiệm và điều trị từ đầu đến kết thúc và kết luận bệnh;

- Có khả năng độc lập chủ động làm việc, thành thạo kỹ năng chẩn đoán bệnh động vật;

- Có khả năng tổng kết kinh nghiệm công tác chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị các bệnh động vật và hiểu được các bệnh chung của các động vật có liên quan đến công tác chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị;

- Biết tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp các cơ quan liên quan;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

đ) Việc thăng hạng chức danh chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chức danh chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III phải đáp ứng đủ các quy định trên và có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV, như sau:

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

2.3. Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV (V.03.09.27) lên chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên hạng III (V.03.09.26)

Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông (V.03.09.27), có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác của chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên (V.03.09.26), có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 và Điều 6 Thông tư 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khuyến nông

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tâm huyết với nghề, tích cực, trung thực, khách quan thực hiện hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thông tin, phổ biến kiến thức và đào tạo nghề cho nông dân nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ môi trường nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng quy chế, nội quy của đơn vị, của ngành;

- Có tinh thần đoàn kết, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng hoặc tham gia xây dựng các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật về khuyến nông; báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động khuyến nông;

- Tham gia biên tập, xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn về khuyến nông;

- Chủ trì hoặc tham gia triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch, nhiệm vụ về khuyến nông (đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình, tư vấn và dịch vụ về khuyến nông);

- Tham gia kiểm tra, đánh giá hoạt động về khuyến nông;

- Theo dõi, phụ trách hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo địa bàn, lĩnh vực được phân công;

- Thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ khác do lãnh đạo đơn vị phân công theo quy định pháp luật.

c) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về khuyến nông;

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về khuyến nông, có kỹ năng làm việc nhóm và phương pháp hoạt động khuyến nông phù hợp với vị trí việc làm;

- Nắm vững tình hình sản xuất nông nghiệp ở địa phương;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

d) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông.

đ) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khuyến nông viên hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông (hạng IV) hoặc tương đương cụ thể như sau:

- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.
- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên khuyến nông hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

2.4. Thăng hạng viên chức từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV (V.03.10.30) lên chức danh nghề nghiệp quản lý bảo vệ rừng viên hạng III (V.03.10.29)

Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng (V.03.10.30), có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác của chức danh nghề nghiệp quản lý bảo vệ rừng viên (V.03.10.29), có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 và Điều 10 Thông tư 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khoản 7, khoản 8 Điều 4 Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; nội quy và quy chế của cơ quan, đơn vị; thực hiện đúng nghĩa vụ viên chức trong hoạt động nghề nghiệp;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, chủ động và phối hợp chặt chẽ trong công tác, lắng nghe ý kiến của nhân dân, đồng nghiệp;
- Trung thực, nhiệt tình, tâm huyết, tận tụy với nghề nghiệp;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi;
- Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm. Có tinh thần dũng cảm, mưu trí đấu tranh chống lại hành vi phá hoại để quản lý bảo vệ rừng;

- Có trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ hỗ trợ, phương tiện và các trang thiết bị, tài liệu phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng.

b) Nhiệm vụ

- Soạn thảo báo cáo, văn bản của đơn vị về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và sử dụng rừng;

- Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, triển khai thực hiện phương án quản lý bảo vệ rừng bền vững, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng;

- Tham gia xây dựng chương trình, soạn thảo nội dung tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng cho viên chức hạng thấp hơn và tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ;

- Thực hiện các hoạt động theo vị trí việc làm: Theo dõi diễn biến rừng; bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng; bảo vệ rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ; hỗ trợ cộng đồng dân cư trong vùng đệm ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu khoa học; tư vấn, dịch vụ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế, tuyên truyền giáo dục về môi trường rừng.

- Thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ khác do lãnh đạo đơn vị phân công theo quy định pháp luật.

c) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và sử dụng rừng;

- Có kiến thức nghiệp vụ về bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng, du lịch sinh thái rừng, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật lâm sinh; sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng trong công tác quản lý bảo vệ rừng;

- Có khả năng tổng hợp, báo cáo các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý bảo vệ rừng; có khả năng tổ chức, bố trí nhân sự trong tổ chức kiểm tra, thực hiện quản lý bảo vệ rừng;

- Có phương pháp, kỹ năng thu hút, tập hợp, vận động mọi người tham gia quản lý bảo vệ rừng;

- Có khả năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm, tư duy sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để thực hiện nhiệm vụ;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

d) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành về lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng.

đ) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh quản lý bảo vệ rừng viên (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng (hạng IV) hoặc tương đương cụ thể như sau:

- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng viên chức được thực hiện theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

(1) Bản sơ yếu lý lịch theo mẫu số HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được lập chậm nhất 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

(2) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

(3) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

(4) Bản sao các văn bản: Quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; quyết định nâng bậc lương gần nhất; các thành tích khen thưởng (nếu có).

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức được đựng trong một túi hồ sơ (theo mẫu HS09a-VC/BNV, quy định tại điểm a Khoản 9 Điều 11 Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức).

Số lượng hồ sơ của mỗi viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III: 01 bộ.

2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký thăng hạng viên chức

a) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền sử dụng viên chức phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng

hạng viên chức. Mọi gian dối, khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự xét thăng hạng viên chức sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Phòng Tổ chức cán bộ Sở Nông nghiệp và PTNT lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định.

Phần 5

NỘI DUNG, HÌNH THỨC, TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

2. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo mục I, phần 4 của Đề án này đối với viên chức dự xét thăng hạng.

3. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

II. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP *(áp dụng khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ)*

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (từ hạng IV lên hạng III) là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại mục I, phần 4 của Đề án này, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Không bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

III. THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG, BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ

nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

IV. DỰ KIẾN THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Thời gian tổ chức: Tháng 6/2024.
2. Địa điểm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

Phần 6

HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. DỰ KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Dự kiến Hội đồng có 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở; Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ và các ủy viên Hội đồng, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Không bố trí làm thành viên Hội đồng đối với những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc của bên vợ (chồng) hoặc vợ hoặc chồng hoặc con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy chế, nội dung tổ chức thi hoặc xét thăng hạng viên chức ban hành kèm Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Hội đồng được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong các hoạt động của Hội đồng, do Giám đốc Sở quyết định.

2. Chủ tịch Hội đồng phân công nhiệm vụ từng thành viên Hội đồng; thành lập các bộ phận giúp việc Hội đồng theo quy định.

Phần 7

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Mức thu phí đăng ký dự xét thăng hạng

Mức thu phí dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Quản lý và sử dụng phí

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

2.1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng, Ban Giám sát; công nhận kết quả xét thăng hạng và thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đạt kết quả xét thăng hạng theo quy định.

2.2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chịu trách nhiệm thường trực giúp Giám đốc Sở triển khai các nội dung công việc liên quan tới công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III.

- Tham mưu Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau khi được Sở Nội vụ có ý kiến thẩm định).

- Tham mưu thông báo Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đến các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp danh sách viên chức đăng ký xét thăng hạng;

- Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thành lập Hội đồng xét thăng hạng; Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng.

(1) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Thông báo kế hoạch tổ chức, hình thức, nội dung và thời gian, địa điểm xét thăng hạng.

- Ban hành Quy chế xét thăng hạng và phân công trách nhiệm từng thành viên trong Hội đồng xét thăng hạng.

- Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng; Trưởng ban thông báo nhiệm vụ cho từng thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng.

- Tổ chức xét hồ sơ thăng hạng theo quy định.

- Báo cáo Giám đốc Sở về kết quả xét thăng hạng.

- Giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng (nếu có).

(2) Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng

Giám sát việc thực hiện các quy định về tổ chức xét thăng hạng về quy chế xét thăng hạng, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng và thành viên tham gia Ban giúp việc.

2.3. Văn phòng Sở

- Niêm yết công khai các kế hoạch, thông báo liên quan đến kỳ xét thăng hạng tại trụ sở làm việc và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở để viên chức dự xét thăng hạng được biết. Có trách nhiệm đăng tin, đưa tin về các nội

dung có liên quan đến công tác xét thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng xét thăng hạng theo đúng quy định.

- Phối hợp thu phí dự xét thăng hạng đồng thời lập dự toán chi phí để tổ chức các hoạt động xét thăng hạng; chuẩn bị cơ sở, vật chất phục vụ cho kỳ xét thăng hạng; thực hiện nhiệm vụ khác có liên quan đến kỳ xét thăng hạng do Giám đốc Sở giao.

2.4. Phòng Kế hoạch, Tài chính

- Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ, Văn phòng Sở hướng dẫn lệ phí đăng ký xét thăng hạng và sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Sở và Hội đồng xét thăng hạng.

2.5. Thanh tra Sở

- Cử công chức tham gia Ban Giám sát; phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác xét thăng hạng theo thẩm quyền.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Sở và Hội đồng xét thăng hạng.

2.6. Các cơ quan, đơn vị có viên chức tham gia xét thăng hạng

- Thông báo, phổ biến tới toàn thể viên chức trong cơ quan, đơn vị về Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Văn bản cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức ký (kèm hồ sơ và danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức kỳ xét thăng hạng theo quy định.

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn từ hạng IV lên hạng III của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng CM, NV thuộc Sở;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Tùng